

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

*Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		835,793,736,981	716,221,372,772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27,889,922,591	36,499,044,560
1. Tiền	111		27,889,922,591	36,499,044,560
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		277,564,157,971	222,644,143,592
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	169,137,982,806	120,108,780,472
2. Trả trước cho người bán	132		105,697,126,793	94,140,225,162
6. Các khoản phải thu khác	136	V.3	7,062,505,124	13,240,060,370
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4,333,456,752)	(4,844,922,412)
IV. Hàng tồn kho	140		521,149,296,742	452,109,265,704
1. Hàng tồn kho	141	V.4	521,384,810,778	452,344,779,740
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(235,514,036)	(235,514,036)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,190,359,677	4,968,918,916
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,236,412,110	2,251,364,637
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,136,120,065	1,722,665,426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		187,291,781	994,888,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		3,630,535,721	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		354,192,775,136	358,645,820,625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,615,462,716	45,146,109,704
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.6	-	43,530,646,988
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	215	V.3	1,615,462,716	1,615,462,716
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		304,541,349,575	267,903,957,407
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	224,380,760,867	228,012,000,912
<i>Nguyên giá</i>	222		353,897,308,636	348,663,962,543
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(129,516,547,769)	(120,651,961,631)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	78,701,782,112	38,310,511,111
<i>Nguyên giá</i>	225		99,121,210,246	52,932,338,583
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(20,419,428,134)	(14,621,827,472)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,458,806,596	1,581,445,384
<i>Nguyên giá</i>	228		2,190,109,854	2,190,109,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(731,303,258)	(608,664,470)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	4,920,646,652	4,920,646,652
<i>Nguyên giá</i>	231		5,214,306,300	5,214,306,300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(293,659,648)	(293,659,648)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	29,657,236,624	26,127,575,026
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng dở dang	242		29,657,236,624	26,127,575,026
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		13,458,079,569	14,547,531,836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	13,458,079,569	14,547,531,836
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,189,986,512,117	1,074,867,193,397

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		682,867,137,765	576,331,650,277
I. Nợ ngắn hạn	310		501,392,403,696	376,849,168,668
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.17	323,299,255,641	242,216,133,581
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		76,412,232,666	77,746,459,960
3. Người mua trả tiền trước	313		41,714,964,692	19,291,608,554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	5,356,433,805	4,475,988,361
5. Phải trả người lao động	315		2,991,125,109	3,708,562,237
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	129,009,984	575,354,000
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện	319	V.16	84,406,929	500,323,568
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	320	V.15	44,557,209,060	24,135,428,345
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	278,095,550	278,095,550
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	6,569,670,260	3,921,214,512
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		181,474,734,069	199,482,481,609
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.21	-	15,728,005,890
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	332		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	336	V.15	299,118,091	555,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.17	127,675,615,978	129,699,475,719
9. Trái phiếu chuyển đổi	338	V.18	53,500,000,000	53,500,000,000
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		507,119,374,352	498,535,543,120
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	507,119,374,352	498,535,543,120
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		418,844,890,000	398,900,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8,021,921,439	8,021,921,439
4. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	414		(4,380,000)	(2,100,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	417		28,495,659,925	25,847,204,177
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10,057,193,444	7,408,737,696
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41,704,089,544	58,359,779,808
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

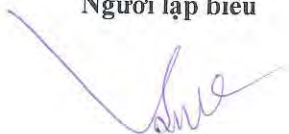
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

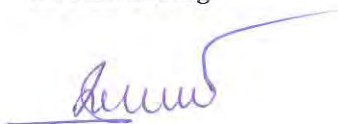
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,189,986,512,117	1,074,867,193,397

Người lập biểu



Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22,278,874,133	20,506,761,664	36,997,977,530	32,485,951,379
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,802,758,550	5,011,037,469	14,784,825,588	10,410,220,764
- Các khoản dự phòng	03		-	-	-	11,291,156
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-	-	130,848,839
- Chi phí lãi vay	06		7,255,679,913	6,207,728,902	14,073,452,790	12,344,193,884
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37,337,312,596	31,725,528,035	65,856,255,908	55,382,506,022
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38,659,326,493)	(33,730,500,738)	(15,114,295,019)	(5,937,226,313)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(67,055,933,311)	17,652,824,488	(69,040,031,038)	21,793,525,089
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		74,961,788,392	454,575,221	10,134,886,917	5,696,551,877
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		486,320,314	4,148,601,024	1,104,404,794	(91,302,758)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,255,679,913)	(6,207,728,902)	(14,073,452,790)	(12,344,193,884)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,613,547,335)	(4,131,208,868)	(2,918,547,335)	(3,721,437,646)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3,292,855	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(943,759,103)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,799,065,750)	8,971,624,012	(24,050,778,563)	60,778,422,387
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5,267,514,686)	(39,165,851,177)	(54,951,879,354)	(96,020,667,722)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	-	1,357,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của						
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13,798,128	-	13,798,128	8,901,080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,253,716,558)	(39,165,851,177)	(54,938,081,226)	(94,654,766,642)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất QII/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31					
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32				-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	215,969,202,600	121,059,327,895	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(165,784,394,436)	(94,909,303,456)	420,540,010,391	266,716,283,187
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	VII.2	(27,719,236,306)		(263,037,304,974)	(230,142,594,495)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8,679,524,500)		(78,443,443,098)	(3,479,395,933)
					(8,679,524,500)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>13,786,047,358</u>	<u>26,150,024,439</u>	<u>70,379,737,819</u>	<u>33,094,292,759</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<u>5,733,265,050</u>	<u>(3,943,520,488)</u>	<u>(8,609,121,970)</u>	<u>(782,051,496)</u>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	22,156,657,540	16,277,243,122	36,499,044,560	13,122,324,291
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61					
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	<u>27,889,922,590</u>	<u>12,333,722,634</u>	<u>27,889,922,590</u>	<u>12,340,272,795</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Hùng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất QII/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	470,291,536,089	388,486,294,460	824,494,226,915	681,712,619,728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	470,291,536,089	388,486,294,460	824,494,226,915	681,712,619,728
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	429,390,565,385	353,483,701,828	754,052,917,155	621,243,360,701
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40,900,970,704	35,002,592,632	70,441,309,760	60,469,259,027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	116,805,451	100,682,179	311,442,376	627,363,709
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8,914,845,352	6,309,915,641	16,134,315,385	12,492,501,819
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,255,679,913	6,207,728,902	14,073,452,790	12,344,193,884
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	3,394,698,028	3,359,134,818	6,700,123,386	6,309,256,234
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	5,633,174,317	4,592,633,551	10,598,029,049	9,307,997,176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23,075,058,458	20,841,590,801	37,320,284,316	32,986,867,507
11. Thu nhập khác	31	VI.6	23,341,373,947	156,060,868	28,162,109,548	1,422,521,788
12. Chi phí khác	32	VI.7	24,137,558,272	817,007,339	28,484,416,334	1,923,437,916
13. Lợi nhuận khác	40		(796,184,325)	(660,946,471)	(322,306,786)	(500,916,128)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22,278,874,133	20,180,644,330	36,997,977,530	32,485,951,379

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

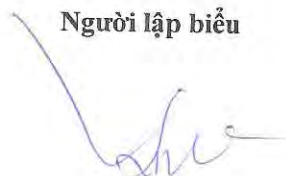
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,175,437,240	1,734,478,888	4,821,385,209	2,996,446,706
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-		(91,988,769)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19,103,436,893	18,446,165,442	32,176,592,321	29,581,493,442
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	456	462	768	706

Người lập biểu



Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14/11/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 29/06/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là: 418.844.890.000 đồng (**Bằng chữ: Bốn trăm mười tám tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng**).

Tổng số cổ phần: 41.884.489 cổ phần;

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Mã cổ phiếu: DAG

Sàn giao dịch: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE)

. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Tái chế phế liệu; đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Cho thuê xe có động cơ; Khai thác muối;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Trụ sở Công ty: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
- Tel: (84-4) 3.689.1888 Fax: (84-4) 3.686.1616

4. Chu kỳ sản xuất thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

5. Cấu trúc Tập đoàn

Danh sách các công ty con:

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các công ty con được hợp nhất:

1) Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam

Địa chỉ: Lô 1 - CN 5 Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 36.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ thương mại.

2) Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam

Vốn điều lệ: 159.330.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 159.330.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Lô số 36 KCN Tân Tạo, Đường Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân - TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND

Số vốn đơn vị đầu tư vào Công ty con: 35.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100%

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. - Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

2. - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

2. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trong đó:

+ Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

+ Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

7.1 **Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3-7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7.2 **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

7.3 **Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản cố định tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Phần mềm kế toán

4

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản công cụ dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị giao dịch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với các hợp đồng thuê mặt bằng, trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, tiền điện,... thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Đối với doanh thu sản xuất và thương mại:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản, phế liệu và các thu nhập khác,...

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc chi phí tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

19.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ lắp đặt.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Riêng Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất 20%; miễn 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2016 là năm thứ 10 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	24,864,782,231	817,946,080
Tiền gửi ngân hàng	3,025,140,360	35,681,098,480
Tổng cộng	27,889,922,591	36,499,044,560

2. Phải thu của khách hàng

	Đơn vị tính: VND			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	169,137,982,804	4,333,456,752	120,108,780,472	4,041,922,412
Công ty TNHH V& H Việt Nam	66,180,209,154		14,171,619,479	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	33,875,165,566		1,988,911,290	
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	39,302,813,556		29,114,774,858	
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và Hóa chất Hoàng Nam	2,861,574,971		13,861,574,971	
Các đối tượng khác	26,918,219,557	4,333,456,752	60,971,899,874	4,041,922,412
b) Dài hạn	0	0	43,530,646,988	0
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	23,254,766,588	0
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			20,275,880,400	0
Cộng	169,137,982,804	4,333,456,752	163,639,427,460	4,041,922,412

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2017	01/01/2017
Ngắn hạn		
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đông Á	23,829,632,165	23,829,632,165
Shanghai Xiesheng Manufacturing Co., LTD	0	12,638,718,670
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiến Vinh	1,753,565,943	39,949,639,849
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng	1,969,465,410	0
QingDao Sanyi Plastic Machinery co.,ltd	1,536,975,000	0

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Explas Technology Co., Limited	1,861,447,500	0
Các đối tượng khác	18,446,040,777	17,722,234,478
Cộng	49,397,126,795	94,140,225,162

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8,862,505,124		13,240,060,370	
Phải thu khác	7,062,505,124		2,774,400,306	
Thuế GTGT của Tài sản thuế tài chính	2,935,684,779		384,529,291	
Các đối tượng khác	4,126,820,345		2,389,871,015	
Tạm ứng	1,800,000,000		6,500,000,000	
Nguyễn Bá Hùng (*)	1,800,000,000		6,500,000,000	
Các đối tượng khác	0			
Cầm cố ký cược ký quỹ			3,965,660,064	
b. Dài hạn	1,615,462,716		1,615,462,716	
Cầm cố ký cược ký quỹ	1,615,462,716		1,615,462,716	
Tổng cộng	10,477,967,840	-	14,855,523,086	0

5. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
a) Phải thu khách hàng			8,932,758,523	4,890,836,111
Tổng Công ty xây dựng Hà Nội			901,251,678	901,251,678
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	30,318,652	30,318,652	30,318,652	0
CN Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (C106/N05)	299,080,677		299,080,677	0
CN Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp - XN Số 5	286,568,360		286,568,360	0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex- Dự án Chợ Mơ	1,862,831,451	912,787,413	2,762,831,454	1,918,982,018
Công ty CP Xây lắp điện 1 (B602)	540,964,459	113,602,536		
CN Xây lắp & Mộc nội thất - Công ty CP Xây dựng Số 1 Hà Nội			540,964,459	162,289,337
Công ty CP Thiết bị tự động hoá AMC	354,495,530		1,739,848,991	1,385,353,461
Công ty XK GVCC Trading Sarl	111,808,208			
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hưng Thuận	30,033,134		30,033,134	0
Khách sạn Sapa D089	27,721,401		27,721,401	0
Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng An Lập Thành	1,301,231,937		1,301,231,937	0
Công ty TNHH Hồng Thế Plastic			415,373,338	207,686,669
Công ty CP Sản xuất thương mại XNK Minh Ngọc	242,657,262	60,664,315	242,657,262	121,328,631
Các đối tượng khác			354,877,180	193,944,317
b) Trả trước cho người bán		0	803,000,000	
Guangxi Pingxiang Yingtai		0	803,000,000	
Tổng cộng	5,087,711,071	1,117,372,916	9,735,758,523	4,890,836,111

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	233,319,706,980	0	231,465,643,706	0
Công cụ, dụng cụ	508,449,255	0	329,556,503	0
Chi phí SXKD DD	11,770,334,344	0	3,029,647,473	0
Thành phẩm	66,158,358,261	49,511,806	63,657,903,284	49,511,806
Hàng hóa	209,392,447,902	186,002,230	153,862,028,774	186,002,230
Tổng cộng	521,149,296,742	235,514,036	452,344,779,740	235,514,036

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	152,665,997,858	177,547,614,812	16,829,696,434	1,620,653,439	348,663,962,543
Mua trong kỳ		23,851,277,126	851,817,727	312,936,300	25,016,031,153
Đầu tư XDCB hoàn thành	4,005,501,411				4,005,501,411
Tăng khác					
Chuyển sang BĐS đầu tư				-	-
Thanh lý, nhượng bán		(23,788,186,471)			(23,788,186,471)
Giảm khác (*)					-
Số dư cuối kỳ	156,671,499,269	177,610,705,467	17,681,514,161	1,933,589,739	353,897,308,636
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	29,742,616,274	75,271,942,064	14,081,657,632	1,555,745,661	120,651,961,631
Khấu hao trong kỳ	3,290,469,653	4,756,010,677	756,928,582	61,177,226	8,864,586,138
Thanh lý, nhượng bán	2,103,805,664	-	-	-	2,245,672,657
Giảm khác (*)		(2,242,950,705)		(2,721,952)	(2,245,672,657)
Số dư cuối kỳ	35,136,891,591	77,785,002,036	14,838,586,214	1,614,200,935	129,516,547,769
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	122,923,381,584	102,275,672,748	2,748,038,802	64,907,778	228,012,000,912
Số dư cuối kỳ	121,534,607,678	99,825,703,431	2,842,927,947	319,388,804	224,380,760,867

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

8. Tăng, giảm Tài sản thuê tài chính	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2017	52,292,123,054	640,215,529	52,932,338,583
Thuê tài chính trong năm	46,188,871,663		46,188,871,663
Giảm khác (*)			0
Số dư ngày 30/06/2017	98,480,994,717	640,215,529	99,121,210,246
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	14,602,487,627	19,339,845	14,621,827,472
Khấu hao trong năm	5,662,284,156	135,316,506	5,797,600,662
Tăng khác			0
Giảm khác (*)			0
Số dư ngày 30/06/2017	20,264,771,783	154,656,351	20,419,428,134
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	37,689,635,427	620,875,684	38,310,511,111
Tại ngày 30/06/2017	78,216,222,934	485,559,178	78,701,782,112

(*) Giảm khác là chuyển sang TSCĐ hữu hình.

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2017	2,190,109,854	2,190,109,854
Mua trong năm		0
Số dư ngày 30/06/2017	2,190,109,854	2,190,109,854
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2017	608,664,470	608,664,470
Khấu hao trong năm	122,638,788	122,638,788
Số dư ngày 30/06/2017	731,303,258	731,303,258
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	1,581,445,384	1,581,445,384
Tại ngày 30/06/2017	1,458,806,596	1,458,806,596

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 387.972.800 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2017
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	5,214,306,300	-	0	5,214,306,300
Quyền sử dụng đất	5,214,306,300	-	0	5,214,306,300
Giá trị hao mòn lũy kế	293,659,648	-	0	293,659,648
Quyền sử dụng đất	293,659,648	-	0	293,659,648
Giá trị còn lại	4,920,646,652	-	0	4,920,646,652
Quyền sử dụng đất	4,920,646,652	-	0	4,920,646,652

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2017 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tồn thất do suy giảm giá trị là chi phí khấu hao Bất động sản đầu tư từ những năm trước, Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

Từ năm 2015 Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Giá trị còn lại cuối kỳ của Bất động sản đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.920.646.652 VND

11. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Xây dựng cơ bản dở dang		
Xây dựng nhà xưởng	26,677,294,520	19,674,575,378
Dự án KCN Hà Nam	2,669,675,154	6,142,732,698
Công trình sửa chữa nhà xưởng Tân Tạo	310,266,950	310,266,950
Cộng	29,657,236,624	26,127,575,026

12. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn		
Cộng cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2,236,412,110	2,251,364,637
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	2,236,412,110	2,251,364,637
b) Dài hạn		
Cộng cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	13,458,079,570	14,547,531,836
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	4,266,133,766	5,254,213,375
	9,191,945,804	9,293,318,461
Tổng cộng	15,694,491,680	16,798,896,473

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	76,412,232,666	76,412,232,666	77,746,459,960	77,746,459,960
Công ty TNHH Thương Mại Phú Đức	1,667,009,944	1,667,009,944	0	0
Jampoo Union Corp	33,722,839,062	33,722,839,062	25,863,997,122	25,863,997,122
Hangzhou H.D.L New Material Co	678,366,684	678,366,684	0	0
Công ty TNHH Thương Mại DV Hùng Phát	17,878,297,103	17,878,297,103	724,405,043	724,405,043
Itochu Corporation	3,584,942,725	3,584,942,725	24,616,192,003	24,616,192,003
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	1,370,354,900	1,370,354,900	0	0
Các đối tượng khác	17,510,422,248	17,510,422,248	26,541,865,792	26,541,865,792
b) Dài hạn	0	0	15,728,005,890	15,728,005,890
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	0	0	15,474,303,000	15,474,303,000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0	0	253,702,890	253,702,890
Tổng cộng	76,412,232,666	76,412,232,666	93,474,465,850	93,474,465,850

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2017
	a) Phải nộp			
Thuế GTGT	-	8,292,552,175	8,292,552,175	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12,958,069,186	12,896,442,314	61,626,872
Thuế TNDN	2,557,157,292	5,129,314,981	2,918,547,335	4,783,462,938
Thuế thu nhập cá nhân	998,050,829	299,733,240	1,106,667,748	191,116,321
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	340,096,000	340,096,000	0
Các loại thuế khác	917,481,593	15,159,032	612,711,598	319,929,027
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3,298,647	3,400,567	6,400,567	298,647
Cộng	4,475,988,361	27,038,325,181	26,173,417,737	5,356,433,805

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	640,123,757	640,123,757		0
Thuế xuất nhập khẩu	119,947,843	3,167,183,067	3,054,781,664	7,546,440
Thuế TNDN	231,817,253	55,071,912		176,745,341
Các loại thuế khác	3,000,000	4,034,810	4,034,810	3,000,000
Cộng	994,888,853	3,866,413,546	3,058,816,474	187,291,781
14. Chi phí phải trả				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			30/06/2017	01/01/2017
			VNĐ	VNĐ
Trích trước chi phí kiểm toán				175,000,000
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam				371,344,000
Các khoản khác			129,010,000	29,010,000
Tổng cộng			129,010,000	575,354,000
15. Phải trả khác				<i>Đơn vị tính: VND</i>
			30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn			44,557,189,061	24,135,428,345
Kinh phí công đoàn;			788,242,275	584,483,140
Bảo hiểm xã hội; BHYT			486,935,570	526,909,834
Các khoản phải trả, phải nộp khác.			43,282,011,216	23,024,035,371
b) Dài hạn			299,118,091	555,000,000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			299,118,091	555,000,000
Tổng cộng			44,856,307,152	24,690,428,345
16. Doanh thu chưa thực hiện			30/06/2017	01/01/2017
			VNĐ	VNĐ
a) Ngắn hạn			84,406,929	500,323,568
Nhận trước tiền cho thuê văn phòng			84,406,929	79,063,568
Thu tiền ứng trước của Công ty Cổ phần in số 7 về việc thuê kho				421,260,000
b) Dài hạn			0	0
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội				
Tổng cộng			84,406,929	500,323,568

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

17. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

30/06/2017

Trong kỳ

01/01/2017

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
--	---------	-----------------------	------	------	---------	-----------------------

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

323,299,255,641

323,299,255,641

335,230,617,038

254,147,494,978

242,216,133,581

242,216,133,581

a1) Vay ngắn hạn

323,299,255,641

323,299,255,641

335,230,617,038

254,147,494,978

242,216,133,581

242,216,133,581

(1) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam

19,816,633,247

19,816,633,247

19,816,633,247

27,310,852,104

27,310,852,104

27,310,852,104

(2) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

52,689,411,869

52,689,411,869

62,121,484,419

24,172,803,211

14,740,730,661

14,740,730,661

(3) Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

36,018,115,109

36,018,115,109

42,818,349,844

33,207,540,681

26,407,305,946

26,407,305,946

(4) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

111,624,929,233

111,624,929,233

127,976,002,600

95,262,311,760

78,911,238,393

78,911,238,393

(5) Ngân hàng Malayan Banking Berhad

39,893,345,037

39,893,345,037

39,893,345,037

43,972,364,658

43,972,364,658

43,972,364,658

(6) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

63,256,821,146

63,256,821,146

34,104,801,891

21,721,622,564

50,873,641,819

50,873,641,819

Vay cá nhân

8,500,000,000

8,500,000,000

-

-

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

127,675,615,978

127,675,615,978

85,309,393,353

87,333,253,094

129,699,475,719

129,699,475,719

b1) Vay dài hạn

82,762,514,471

82,762,514,471

6,447,458,164

8,889,809,996

85,204,866,303

85,204,866,303

(7) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

81,877,781,123

81,877,781,123

6,447,458,164

8,741,510,000

84,171,832,959

84,171,832,959

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

17. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

(8)	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- CN Láng Hạ	416,733,348	416,733,348	-	65,799,996	482,533,344	482,533,344
(9)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	468,000,000	468,000,000	-	82,500,000	550,500,000	550,500,000
	b2) Nợ thuê tài chính dài hạn	44,913,101,507	44,913,101,507	78,861,935,189	78,443,443,098	44,494,609,416	44,494,609,416
(10)	Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	26,265,273,507	26,265,273,507	53,967,654,789	52,103,994,698	24,401,613,416	24,401,613,416
(11)	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Công thương VN	17,868,628,000	17,868,628,000	24,894,280,400	26,254,248,400	19,228,596,000	19,228,596,000
(12)	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương VN	779,200,000	779,200,000	-	85,200,000	864,400,000	864,400,000
Tổng cộng		450,974,871,619	450,974,871,619	420,540,010,391	341,480,748,072	371,915,609,300	371,915,609,300

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017			Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		
	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm (10)	53,345,432,731	1,156,238,033	52,189,194,698	4,337,996,155	858,600,222	3,479,395,933
Trên 5 năm	27,199,562,528	945,314,128	26,254,248,400			
Tổng cộng	80,544,995,259	2,101,552,161	78,443,443,098	4,337,996,155	858,600,222	3,479,395,933

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

(1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Shinhanbank theo các hợp đồng:

- Vay Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Phụ lục hợp đồng ngày 14/10/2016 thay đổi hạn mức tín dụng là 7.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay đến hết ngày 02/07/2017.

- Khoản vay Ngân hàng Shinhan Việt Nam theo hợp đồng số 130000446932 ngày 05/07/2016 với thời hạn mức tối đa 20.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động, mở thu tín dụng trả ngay, trả chậm và giải ngân thanh toán thu tín dụng. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 30.000.000.000 VND và Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Bá Hùng.

(2) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTĐ/14168 ngày 22/09/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VND, lãi suất tại thời điểm giải ngân và thời hạn vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là 02 dây chuyền sản xuất thanh profile, hiệu JH (Jinhu) model SJZ65/132+ YF240A, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa lô đất số D2, khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 63.237.900.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTĐ/16126 ngày 16/12/2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất vay 9,5%/ năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTĐ/13114 ngày 02/08/2013.

(3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1186228/NHUADONGA-VPBANK ngày 22/12/2014, giá trị hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục ngày 24/12/2015 về việc thay đổi thời hạn của hạn mức tín dụng. Thời hạn mới của hạn mức tín dụng: Tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/02/2016.

- Khoản vay theo hợp đồng số 11032014/CB/VPB-TĐNĐA/01 ngày 11/03/2014 với hạn mức tối đa 70.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:

+ Ký quỹ: Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, khách hàng sẽ ký quỹ số tiền tối thiểu bằng 5% giá trị của L/C.

+ Thế chấp hàng hóa là hàng tồn kho luân chuyển. Giá trị hàng tồn kho luân chuyển bằng hoặc lớn hơn tổng số dư vay vốn, bảo lãnh L/C của khách hàng tại Bên Ngân hàng và dư nợ ngắn hạn của Khách hàng tại Ngân hàng TMCP Quân đội. Phương thức quản lý theo quy định của Bên Ngân hàng.

- Khoản vay theo hợp đồng số 1186228/NHUADONGA-VPB ngày 23/05/2016 với thời hạn mức tối đa 120.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:

+ Ký quỹ: Mỗi lần đề nghị phát hành L/C, khách hàng sẽ ký quỹ số tiền tối thiểu bằng 5% giá trị của L/C.

+ Thế chấp hàng hóa là hàng tồn kho luân chuyển; bất động sản; Động sản; Hợp đồng tiền gửi/ sổ tiết kiệm của khách hàng hoặc bên thứ ba được bên ngân hàng chấp thuận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

- (4) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10220150626-01 ngày 26/06/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD, lãi suất cho vay thời hạn tối đa không quá 6 tháng là 2,25%/năm cộng với Chi phí vốn của ngân hàng tùy từng thời điểm, lãi suất cho vay tối đa 48 tháng là 3,5%/năm cộng với Chi phí vốn của ngân hàng tùy từng thời điểm, mục đích vay để mở LC cho nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa và máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản đảm bảo khác. Phụ lục số UOB/HCMC/CCOD-030 ngày 02/07/2015 về việc thay đổi phí lần đầu, từ 3.000 USD xuống còn 1.500 USD.
- (5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 088DN91/2015/HĐTĐ/VIB-NHUADONGA ngày 28/07/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, tài sản đảm bảo là các mặt hàng nhập khẩu và các tài sản đảm bảo khác.
- (6) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2016/7610660/HĐTĐ ngày 06/07/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng trong đó bao gồm cả dự nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2015/7610660/HĐTĐ ngày 27/10/2015, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn thành phố Phú Lý, Hà Nam; Xe ô tô Bentley - BKS 29A-398.88 và xe ô tô Fortuner BKS 29A-204.26 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và các phụ lục sửa đổi bổ sung; Thế chấp các tài sản của Công ty TNHH Nhựa Đông Á theo hợp đồng số 02/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 và phụ lục sửa đổi bổ sung như sau: 01 máy sản xuất tấm PP - Loại máy 1400 PP, 01 máy sản xuất bột chema 3600 - Loại máy 3600, 01 máy sản xuất thanh đùn nhựa Mica Model JWS120-1500 GPPS 380V/50HZ, 01 máy ép đùn tấm nhựa bọc nhôm, hoạt động bằng điện, loại đặt cố định Model JWS 170/35 aluminum - plastic, 02 máy sản xuất đùn thanh nhựa Profile - trọng tải 42.400 kg, dây chuyền máy sản xuất đùn thanh nhựa Profile Model SJZ/132-YF240.
- (7) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HN/LO/2016/0042 ngày 14/11/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD được cấp tại Ngân hàng Maybank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Maybank Chi nhánh Hà Nội, lãi suất cho vay đối với LC 0,1%/ tháng, tối thiểu 25USD, lãi suất cho vay tín khác có LC, cho vay tín khác theo DA/DP với tiền USD là chi phí cấp vốn + 1,5%/năm, với tiền VND là lãi suất cơ bản + 1,5%/năm, lãi suất cho vay thanh toán hóa đơn với USD là chi phí cấp vốn + 1,75%/năm, với VND lãi suất cơ bản + 1,75%/năm, thời hạn cho vay từng lần tối đa là 180 ngày, mục đích vay để nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, thanh toán bộ chứng từ LC nhập khẩu theo các hóa đơn và tờ khai hải quan, mua hàng trong nước hoặc nhập khẩu thanh toán qua tài khoản, tài sản đảm bảo là các khoản phải thu của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức, hàng tồn kho của bên thứ ba (Công ty TNHH Nhựa Đông Á) với giá trị không thấp hơn tổng hạn mức.
- (8) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 55/2016-HĐTĐHM/NHCT140-DAG ngày 22/07/2016, giá trị hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2017, lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng 6,5%/năm, mục đích vay để thanh toán các chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là hoàn tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- 'Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 57/2016-HĐTĐHM/NHCT140-SMARTWINDOW ngày 22/7/2016, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm đối với VND áp dụng theo chương trình "Kết nối khách hàng tiềm năng", thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 15/07/2016, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng, mục đích cho vay để thanh toán các chi phí mua Nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 69/2016-HDDTCHH140-SMARTWINDOW ngày 27/07/2016.
- Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 56/2016-HĐTĐHM/NHCT140-TNHH NHUADONGA ngày 22/07/2016 với thời hạn mức tối đa 30.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Mục đích khoản vay để thanh toán các chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các loại chi phí hợp lệ khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

- (9) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/2015/7610660/HĐTĐ ngày 27/10/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay kỳ đầu 8,8%/năm, lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày kể từ ngày đầu rút vốn, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư nhà máy sản xuất, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- (10) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1523100133/HĐTĐ ngày 19/08/2015, giá trị hạn mức tín dụng là 658.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp tín dụng 60 tháng, mục đích vay mua tài sản cố định, tài sản đảm bảo là giá trị tài sản hình thành từ vốn vay.
- (11) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016. Tài sản thuê là 1 xe ô tô 7 chỗ, trị giá gốc tính cho thuê là 1.258.000.000 VND. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê trong vòng 72 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn
- (12) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
- Thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính số 2016-00177-001 ngày 05/10/2016 với các điều kiện cụ thể như sau: Tài sản thuê: 01 xe Toyota Camry LE sản xuất năm 2008 tại Mỹ, số khung 4T4BE46K89R-048525, số máy 2AZ-9120543, BKS 29A-632.98. Tổng giá trị hợp đồng thuê với nợ gốc là 640.215.529 đồng, trong đó, Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á trả trước 70.100.000 đồng, còn 570.115.529 đồng sẽ được thanh toán theo từng kỳ vào mỗi tháng. Thời hạn thanh toán: 37 tháng kể từ ngày 07/11/2016 đến hết ngày 07/11/2019. Lãi suất thuê từ ngày 07/11/2016 là 7,5%/năm trên cơ sở giả định một năm có 360 ngày. Số dư nợ gốc của hợp đồng thuê tài chính tại thời điểm 31/12/2016 là 594.807.574 đồng, số dư nợ gốc này là toàn bộ nợ thuê tài chính dài hạn.
- (13) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.100/2005/TSC - CTTC ngày 14/12/2015 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về thuê Dây chuyền đùn Theysohn CON 63, Dây chuyền đùn Theysohn TTS 88, Dây chuyền đùn Theysohn CON 50 với thời hạn thuê 72 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 8,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị 26.000.000 đồng.
- (14) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016. Tài sản thuê là 1 xe ô tô 7 chỗ, trị giá gốc tính cho thuê là 1.258.000.000 VND. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 72 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

19. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	398,900,000,000	8,021,921,439	(2,100,000)	29,806,540,994	436,726,362,433
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	52,969,114,963	52,969,114,963
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4,470,981,149)	(4,470,981,149)
Tăng khác	-	-	-	(19,944,895,000)	(19,944,895,000)
Cổ tức chi trả	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	398,900,000,000	8,021,921,439	(2,100,000)	58,359,779,808	465,279,601,247
Tăng vốn trong năm nay	19,944,890,000	-	(2,280,000)	(19,944,890,000)	(2,280,000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	32,176,592,321	32,176,592,321
Trích lập các quỹ	-	-	-	(7,945,367,085)	(7,945,367,085)
Tăng khác	-	-	-	(20,942,025,500)	(20,942,025,500)
Cổ tức chi trả	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2017	418,844,890,000	8,021,921,439	(4,380,000)	41,704,089,544	468,566,520,983

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2017	01/01/2017
Nguyễn Bá Hùng	29,155,090,000	27,766,760,000
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	100,325,320,000	95,547,930,000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	97,183,710,000	92,555,920,000
Công ty TNHH TM&SX Tam Sơn	1,924,070,000	1,787,500,000
Danske invest Sicav-Sif-ênging and frontier markets Smid	19,299,520,000	18,380,500,000
Cổ đông khác	170,957,180,000	162,861,390,000
Tổng cộng	418,844,890,000	398,900,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	398,900,000,000	398,900,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	19,944,890,000	
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	418,844,890,000	398,900,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20,942,025,500	19,944,895,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,884,489	39,890,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,884,489	39,890,000
- Cổ phiếu phổ thông	41,884,489	39,890,000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	438	210
- Cổ phiếu phổ thông	438	210
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	0	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41,884,051	39,889,790
- Cổ phiếu phổ thông	41,884,051	39,889,790
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	0	
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

e) Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	30/06/2017
Quỹ đầu tư phát triển	25,847,204,177	2,648,455,748		28,495,659,925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7,408,737,696	2,648,455,748		10,057,193,444
Tổng cộng	33,255,941,873	5,296,911,496	0	38,552,853,369

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế, được đơn vị trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	387,295,592,514	252,516,091,399
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	6,365,139,972	19,424,314,723
Doanh thu bán hàng hóa	76,630,803,603	116,545,888,338
Doanh thu khác	0	0
Cộng	470,291,536,089	388,486,294,460

2. Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
Giá vốn bán thành phẩm	352,630,479,228	231,531,824,697
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	1,483,032,513	14,139,348,073
Giá vốn bán hàng hóa	75,277,053,644	107,812,529,058
Tổng cộng	429,390,565,385	353,483,701,828

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CNS, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79,481,127	100,682,179
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	32,879,641	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	4,444,683	0
Tổng cộng	116,805,451	100,682,179

4. Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
Chi phí lãi vay	7,255,679,913	6,207,728,902
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	792,112,439	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	604,046,344	0
Chi phí tài chính khác	263,006,656	102,186,739
Tổng cộng	8,914,845,352	6,309,915,641

5. Thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
Thu từ bồi thường bảo hiểm	817,920,000	0
Thanh lý tài sản	22,302,000,000	
Thu phạt nhân viên	64,495,576	
Thu nhập khác	156,958,371	156,060,868
Tổng cộng	23,341,373,947	156,060,868

6. Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
Thanh lý tài sản	23,544,561,225	
Chi nộp phạt hành chính thuế	370,353,053	
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	222,643,994	
Chi phí khác		156,060,868
Tổng cộng	24,137,558,272	156,060,868

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	1,662,502,260	1,476,202,666
Chi phí vật liệu quản lý	4,082,316	5,609,485
Chi phí đồ dùng văn phòng	13,601,113	113,254,049
Chi phí khấu hao TSCĐ	103,364,676	38,460,218
Chi phí bảo hành	104,312,363	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186,315,714	1,135,921,014
Chi phí bằng tiền khác	1,320,519,586	589,687,385
Cộng	3,394,698,028	3,359,134,817
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1,907,162,964	1,591,531,900
Chi phí vật liệu, bao bì	5,735,348	5,213,560
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	132,553,889	96,653,838
Chi phí khấu hao TSCĐ	719,504,548	667,785,933
Chi phí bảo hành	110,418,022	
Thuế, phí và lệ phí	10,500,000	104,744,381
Chi phí dự phòng	-285,000,000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,369,139,845	1,212,715,508
Chi phí bằng tiền khác	1,663,159,701	913,988,431
Cộng	5,633,174,317	4,592,633,551
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		

9. - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị tính : VND

	Q2/2017	Q2/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19,103,436,893	18,446,165,442
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19,103,436,893	18,446,165,442
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	41,884,051	39,890,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	456	462

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

	Q2/2017	Q2/2016
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	215,969,202,601	121,059,327,895
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	215,969,202,601	121,059,327,895
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	193,503,630,742	94,909,303,456
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	165,784,394,436	94,909,303,456
Tiền trả nợ thuê tài chính	27,719,236,306	

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin so sánh**

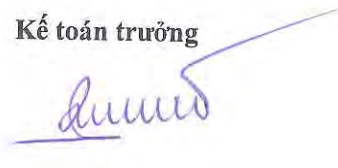
Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Dương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng